dhp ev, 22

Kinh Pháp Cú (Dhammapada, Anh–Việt)

dhp ev, 22

This document is written in Vietnamese, with Unicode Times font

Dhammapada Sutta

(Khuddaka Nikaya - Sutta Pitaka)

The Path of Truth

English translation

by Bhikkhu Khantipalo & Sister Susanna

Sydney, Australia, 1993 Kinh Pháp Cú

Vietnamese translation

by Bhikkhu Thích Minh Châu

Sài Gòn, Việt Nam, 1996

XXII- Nirayavagga

Hell Phẩm Địa Ngục

306. With one denying truth there goes to hell

that one who having done says "I did not".

Both of them are making kammas base

are equal after death. 306. Nói láo đọa địa ngục

Có làm nói không làm,

Cả hai chết đồng đẳng,

Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Many who wear the yellow robe

are unrestrained in evil things,

these evil ones by evil deeds,

in hell do they arise. 307. Nhiều người khoác cà sa,

Ác hạnh không nhiếp phục.

Người ác, do ác hạnh,

Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Better to eat a ball of iron

glowing as flame of fire
than one should eat country's alms
immoral and unrestrained. 308. Tốt hơn nuốt hòn sắt
Cháy đỏ như than hồng,
Hơn ác giới, buông lung
Ăn đồ ăn quốc độ.
309. Four things befall that heedless one
sleeping with one who's wed:
demerit gained but not good sleep,
third is blame while fourth is hell. 309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật theo vợ người ;
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.
310. Demerit's gained and evil birth,
scared man and women -- brief their joy,
the king decrees a heavy doom:
so none should sleep with one who's wed. 310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vậy chớ theo vợ người.
311. As blady grass when wrongly grasped
the hand does lacerate
so a mishandled monastic life
drags one off to hell. 311. Như cỏ sa [1] vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay.
Hạnh sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.
312. Whatever of kammas slack,
whatever of vows corrupt,

a faltering in the holy life
never brings ample fruit. 312. Sống phóng đãng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống phạm hạnh đáng nghi
Sao chứng được quả lớn.
313. If there's aught that should be done
let it be done then steadily,
in truth a slack monastic life
all the more stirs up the dust. 313. Cần phải làm, nên làm
Làm cùng tận khả năng
Xuất gia sống phóng đãng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.
314. Better an evil deed not done
for misdeed later on torments.
Better done is deed that's good,
which done, does not torment. 314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.
315. Even as a border town
guarded within and without,
so should you protect yourselves.
Do not let this moment pass
for when this moment's gone they grieve
sending themselves to hell. 315. Như thành ở biên thùy,
Trong ngoài điều phòng hộ
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung.
Giây phút qua, sầu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. They are ashamed where shame is not
but where is shame are not ashamed
so by embracing evil views
beings go to an evil birth. 316. Không đáng hổ, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không.
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.
317. They are afraid where fear is not
but where is fear are unafraid,
so by embracing evil views
beings go to an evil birth. 317. Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến.
Chúng sanh đi ác thú.
318. Faults they see where fault is not
but where is fault they see it not,
so by embracing evil views
beings go to an evil birth. 318. Không lỗi, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.
319. A fault they understand as such,
they know as well where fault is not,
so by embracing righteous views
beings go to a happy rebirth. 319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.
Chú thích:
[1] Cỏ Kusa

[Phẩm trước][Mục lục][Phẩm kế]

[Thư mục Việt ngữ] [Buddhasasana Main Page]

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.